



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 11

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 24-01-2019- | Quyết định số 352/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2018. | 2 |
| 01-02-2019- | Quyết định số 468/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. | 26 |
| 01-02-2019- | Quyết định số 469/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. | 31 |
| 01-02-2019- | Quyết định số 470/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. | 37 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 352/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2018****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 292/TTr-STP-KTrVB ngày 10 tháng 01 năm 2019 và của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân phường-xã-thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ (Kèm Phụ lục I, II)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ
NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2018)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
NĂM 1987					
1	Quyết định	48/QĐ-UB ngày 16/3/1987	Về ban hành quy chế về công tác công văn, giấy tờ.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
NĂM 1995					
2	Quyết định	5787/QĐ-UB-QLĐT ngày 08/8/1995	Quy định về chế độ quản lý và sử dụng đối với các chung cư phục vụ cho việc di dời các hộ dân cư sống trên và ven kênh Nhiêu Lộc-Thị Nghè.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 1999					
3	Chỉ thị	28/1999/CT-UB-NC ngày 26/8/1999	Về việc triển khai Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
NĂM 2004					
4	Quyết định	76/2004/QĐ-UB ngày 31/3/2004	Về cho phép Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố tiếp nhận bàn giao dự án do Tổ chức Marie Stopes International (MSI) tài trợ.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 Về việc bãi bỏ văn bản.	25/03/2018
5	Quyết định	149/2004/QĐ-UB ngày 07/6/2004	Về việc điều chỉnh, sửa đổi Chỉ thị số 17/2003/CT-UB ngày 21/7/2003 và Quyết định số 301/2003/QĐ-UB ngày 22/12/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phổ cập giáo dục bậc Trung học.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
NĂM 2006					
6	Quyết định	75/2006/QĐ-UBND ngày 17/5/2006	Ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 Về bãi bỏ Quyết định	17/11/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			phố Hồ Chí Minh.	số 75/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	
NĂM 2007					
7	Quyết định	39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007	Về phê duyệt Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2020.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 Về việc bãi bỏ văn bản.	30/11/2018
8	Chỉ thị	17/2007/CT-UBND ngày 16/7/2007	Về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
9	Quyết định	121/2007/QĐ-UBND ngày 19/9/2007	Về hạn chế và cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 Ban hành Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở	01/08/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	
10	Quyết định	126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007	Ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 Ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.	04/6/2018
NĂM 2008					
11	Quyết định	16/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008	Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	08/06/2018
NĂM 2009					
12	Quyết định	09/2009/QĐ-UBND ngày 22/01/2009	Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận - huyện.	Được thay thế bởi Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/07/2018 Ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.	10/08/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
13	Quyết định	14/2009/QĐ-UBND ngày 03/02/2009	Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện.	Được thay thế bởi Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện	15/03/2018
14	Quyết định	25/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế.	Được thay thế bởi Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế.	01/01/2018
15	Quyết định	47/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009	Về ban hành Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý các cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất).	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
16	Quyết định	75/2009/QĐ-UBND ngày 13/10/2009	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
NĂM 2010					

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
17	Quyết định	09/2010/QĐ-UBND ngày 03/02/2010	Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại.	Được thay thế bởi Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02/07/2018 Ban hành Bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	12/07/2018
18	Quyết định	10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010	Về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội được Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 Ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	10/08/2018
19	Quyết định	27/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.	09/06/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 2011					
20	Chỉ thị	18/2011/CT-UBND ngày 20/5/2011	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
21	Quyết định	66/2011/QĐ-UBND ngày 22/10/2011	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hạn chế và cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 121/2007/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 Ban hành Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	01/08/2018
22	Quyết định	68/2011/QĐ-UBND ngày 02/11/2011	Điều chỉnh làm rõ một số điều của Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 22/10/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hạn chế và cấp phép cho xe ô tô vận tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 121/2007/QĐ-UBND ngày	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 Ban hành Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	01/08/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			19/9/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố.		
23	Quyết định	85/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011	Bổ sung một số hành lang, tuyến đường cho phép xe ô tô vận tải nặng lưu thông theo quy định tại Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 22/10/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 Ban hành Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	01/08/2018
NĂM 2012					
24	Chỉ thị	05/2012/CT-UBND ngày 22/02/2012	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về bãi bỏ văn bản.	20/9/2018
NĂM 2013					
25	Quyết định	05/2013/QĐ-UBND ngày 22/01/2013	Về ban hành quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài.	Được thay thế bởi Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND 27/04/2018 Ban hành Quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài.	07/05/2018
26	Quyết	15/2013/QĐ-UBND ngày	Ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng,	Được thay thế bởi Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND 12/02/2018	22/02/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	định	17/4/2013	quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020.	về ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.	
27	Quyết định	22/2013/QĐ-UBND ngày 01/7/2013	Về ủy quyền xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài.	Được thay thế bởi Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND 27/04/2018 Ban hành Quy định quản lý và xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài.	
28	Quyết định	59/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013	Về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	19/10/2018
NĂM 2014					
29	Quyết định	30/2014/QĐ-UBND ngày 03/9/2014	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã	Được thay thế bởi Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND 12/02/2018 về ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản	22/02/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17/4/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020..	
30	Quyết định	5715/QĐ-UBND ngày 21/11/2014	Ban hành Quy chế thực hiện thí điểm một số chính sách thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ vào làm việc tại 4 đơn vị: Khu Công nghệ cao, Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán và Trung tâm Công nghệ Sinh học.	Được thay thế bởi Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 Ban hành Quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu trong giai đoạn 2018 - 2022.	14/9/2018
31	Quyết định	48/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 20/07/2018 Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh.	30/07/2018
NĂM 2015					
32	Nghị	07/2015/NQ-	Về chủ trương tạm thời áp dụng	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số	01/8/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	quyết	HĐND ngày 26/8/2015	Quy định của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ cho năm học 2015 - 2016.	15/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 về việc bãi bỏ văn bản.	
33	Quyết định	01/2015/QĐ-UBND ngày 06/01/2015	Về ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là các giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành Y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các Bệnh viện trên địa bàn Thành phố.	Được thay thế bởi Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 Về ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với các viên chức lãnh đạo, quản lý là các giảng viên của Trường Đại học chuyên ngành Y dược giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng khoa của các Bệnh viện thực hành trên địa bàn Thành phố.	
34	Quyết định	23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015	Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	19/08/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 2016					
35	Quyết định	04/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016	Về ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị giai đoạn 2016 - 2020.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND 22/03/2018 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/04/2018
36	Quyết định	6888/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	Về giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 Về giá tối đa dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	01/10/2018
NĂM 2017					
37	Quyết định	15/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017	Về ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về bãi bỏ văn bản.	04/11/2018
38	Quyết định	19/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017	Về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND 15/03/2018 Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	25/03/2018
39	Quyết	28/2017/QĐ-	Quy định về mức thu tiền sử	Được thay thế bởi Quyết định số	08/11/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	định	UBND ngày 10/7/2017	dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng; tài nguyên biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	40/2018/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 Quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển năm 2018 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	
40	Quyết định	31/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	Về ban hành Quy định về hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 Về bãi bỏ Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.	30/11/2018
41	Quyết định	38/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	Về sửa đổi Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 Ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ	10/08/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	
42	Quyết định	6433/QĐ-UBND ngày 13/12/2017	Về việc bãi bỏ văn bản.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 Về việc bãi bỏ văn bản.	25/03/2018
43	Quyết định	65/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017	Ban hành Chính sách hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho tàu cá ven bờ có công suất máy từ 20CV đến dưới 90CV.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 22/06/2018 Bãi bỏ Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho tàu cá ven bờ có công suất máy từ 20CV đến dưới 90CV.	02/07/2018
NĂM 2018					
44	Nghị quyết	04/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018	Về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022.	Được thay thế bởi Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người	07/12/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu thu hút giai đoạn 2018 - 2022.	
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
Không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2018:

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
NĂM 2007					
1	Chỉ thị	23/2007/CT-UBND ngày 22/8/2007	Về việc tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 về việc bãi bỏ văn bản.	18/8/2017
NĂM 2010					
2	Chỉ thị	19/2010/CT-UBND ngày 24/9/2010	Về tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn thư lưu trữ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 về việc bãi bỏ văn bản.	18/8/2017

II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ

Không có

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN
NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2018)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
NĂM 2006					
1	Quyết định	132/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Các điều từ Điều 5 đến Điều 14 Chương III của Quy định về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Bị bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	17/3/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 2012					
2	Quyết định	17/2012/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 về sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu hiện hữu đã hoạt động từ ngày 16/3/2007 trở về trước tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Gạch đầu dòng thứ 8 Khoản 1 Điều 2 và Điểm b Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu hiện hữu đã hoạt động từ ngày 16 tháng 3 năm 2007 trở về trước tại thành phố Hồ Chí Minh.	Bị bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 Về việc bãi bỏ văn bản.	30/11/2018
NĂM 2014					
3	Quyết định	09/2014/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	- Sửa đổi Điểm a, Khoản 1 Điều 1; Khoản 1, Khoản 10 Điều 2; Khoản 6 Điều 4; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5; Khoản 5, Điều 6; Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 7 Điều 7; Khoản 2, Khoản 4, Khoản 6 Điều 9; Khoản 1, Khoản 2 Điều 12; Khoản 4, Khoản 7 Điều 15; Khoản 1, Khoản 2 Điều 16	Được sửa đổi bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về thi công xây dựng công trình thiết	15/9/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			của Quyết định 09/2014/QĐ-UBND. - Bãi bỏ Khoản 6, Điều 7, Khoản 1, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Khoản 3, Khoản 4, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND.	yêu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	
NĂM 2015					
4	Nghị quyết	15/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 về Chương trình giảm nghèo bền vững của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.	Bãi bỏ Khoản 2 Điều 1 về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2019 - 2020.	Được sửa đổi bãi bỏ một phần bởi Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 Về điều chỉnh mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2019 - 2020.	01/01/2019
NĂM 2016					
5	Nghị quyết	102/2016/NQ-HĐND ngày 05/8/2016 về quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ	Điểm a Khoản 2 điều 1 Nghị quyết số 102/2016/NQ-HĐND quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ	Được bãi bỏ một phần bởi Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 Về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc Nhà trẻ, Trung học cơ sở và Bổ túc Trung học cơ sở tại các	07/12/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	trợ chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.	trường công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	
6	Quyết định	12/2016/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.	Điểm a, Khoản 8 Điều 6 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Khoản 8, Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	14/9/2018
7	Quyết định	13/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn	Điểm a, b Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 10; Khoản 1 Điều 15 Quy chế phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung quy chế phối hợp quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành	15/10/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		thành phố Hồ Chí Minh.	định số 13/2016/QĐ-UBND.	chính.	
8	Quyết định	48/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Điểm a Khoản 2 Điều 11; Điểm b Khoản 4 và Khoản 6 Điều 12; Điểm b Khoản 2 Điều 15 quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	07/11/2018
9	Quyết định	52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau.	- Sửa đổi Điểm 1 Phụ lục 15 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. - Bãi bỏ các Phụ lục ban	Được sửa đổi bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 Sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành Phố ban hành mức thu 10 loại	26/5/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐUBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
10	Quyết định	23/2018/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 Ban hành Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND.	Bị điều chỉnh bởi Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 Về ngưng hiệu lực một phần đối với Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về hạn chế và cấp phép ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh.	06/12/2018

B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2018: Không có

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 13923/TTr-STP ngày 28 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 09 thủ tục mới ban hành, 15 thủ tục bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục và nội dung thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố liên quan tại Mục II Phần B tại Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận – huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận, huyện

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm	
1	Thủ tục Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2	Thủ tục Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
3	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
4	Thủ tục Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
5	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
6	Thủ tục Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
7	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
8	Thủ tục Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
9	Thủ tục Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận, huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm		
1	Thủ tục Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	<p>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về Đăng ký biện pháp bảo đảm (có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2017);</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai (có hiệu lực kể từ ngày 03/03/2017);</p> <p>- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (có hiệu lực kể từ ngày 08/08/2016);</p> <p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 09/01/2017).</p>
2	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	
3	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất	
4	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	
5	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	
6	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	
7	Thủ tục Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	
8	Thủ tục Xóa đăng ký thế chấp	
9	Thủ tục Đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu	
10	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
11	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai	
12	Thủ tục Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai	
13	Thủ tục Xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	
14	Thủ tục Chuyển tiếp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	
15	Thủ tục Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 469/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 80/TTr-STP ngày 03 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có thứ tự A2.I.1, A2.I.2 và A2.I.3 tại

Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lý lịch tư pháp					
1	Thủ tục Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: Số 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người. - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người. - Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2010); - Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016); - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (có hiệu lực kể từ ngày 10

			<p>pháp gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ em theo quy định tại Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; + Người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; + Người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; + Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, 	<p>tháng 01 năm 2011);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2011); - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2012);
--	--	--	--	--

				<p>xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp người được cấp Phiếu Lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi, cơ quan cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/Phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu Lý lịch tư pháp.</p>	<p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2014);</p> <p>- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).</p>
2	<p>Thủ tục Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời</p>	<p>Sở Tư pháp (Địa chỉ: Số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh)</p>	<p>Không</p>	

		hạn không quá 15 ngày.			
3	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	Sở Tư pháp (Địa chỉ: Số 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh)	Không	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 470/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 264/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm:

- 04 thủ tục mới ban hành thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

- 12 thủ tục được sửa đổi, bổ sung (01 thủ tục thuộc lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và 11 thủ tục thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng

Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ
<http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố cho:

- 01 thủ tục trong lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- 11 thủ tục trong lĩnh vực đăng ký thành lập và hoạt động của doanh nghiệp có thứ tự B.I.1, B.I.2, B.I.3, B.I.4, B.I.5, B.I.10, B.I.22, B.I.26, B.I.27, B.I.39, B.I.57 tại Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo						
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.	
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.	
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn						
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	
II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp						
2	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: 32 Lê Thánh Tôn,	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;	<i>Bổ sung hồ sơ trong trường hợp chuyển đổi từ hộ</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ: www.dangkykinhdoanh.gov.vn	giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung	- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của	<i>kinh doanh tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				cấp thông tin doanh nghiệp. 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng	- <i>Bổ sung hồ sơ trong trường hợp chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i> - <i>Bỏ quy định nộp Điều lệ của chủ sở hữu</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			www.dangkykinhdoanh.gov.vn	<p>chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.</p> <p>5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu</p>	<p>ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p><i>công ty trong trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i></p>
4	Đăng ký	Trong thời hạn 03	Phòng Đăng	Phí, lệ phí: 100.000	- Luật Doanh nghiệp số	<i>Bổ sung</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	(ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh	68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	<i>hồ sơ trong trường hợp chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				nghiệp. 4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu	- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
5	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số	<i>Bổ sung hồ sơ trong trường hợp chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại Nghị định số</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	<p>đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.</p> <p>5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ</p>	<p>điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP);</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử</p>	108/2018/NĐ-CP

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu	dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
6	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ	<i>Bổ sung hồ sơ trong trường hợp chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu	Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
7	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14	<i>Sửa đổi bỏ yêu cầu nộp Báo cáo tài chính</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	<p>1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp</p>	<p>tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP);</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ</p>	<i>của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ tại - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP;</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu	Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
8	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số	<i>Sửa đổi, bỏ quy định mọi trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng lập đều phải thông báo, trừ trường hợp cổ</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí	108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng	<i>sông sáng lập chưa thanh toán hoặc chi thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu	ký doanh nghiệp.	
9	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	Phí, lệ phí: 300.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức	<i>Sửa đổi quy định cho phép tích hợp đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>ngành qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.</p> <p>5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu</p>	<p>thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>	
10	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn,	Phí, lệ phí: Không có	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>-Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Nghị định số</p>	<i>Sửa đổi quy định không cần nộp hồ sơ bằng bản giấy đến cơ quan</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ty cổ phần, công ty hợp danh)	phòng đại diện của doanh nghiệp	Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn		78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04	<i>ĐKKD tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
11	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10	<i>Bổ sung thành phần hồ sơ: Bản sao Hợp đồng cho thuê có công chứng Thành phần này có trong mẫu</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			nghiệp tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn	ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin	tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				doanh nghiệp lần đầu		
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: 1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. 2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	<i>Sửa đổi quy định trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng ĐKKD thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy</i>

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.</p> <p>5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu</p>	<p>lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p><i>định của pháp luật và yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại GCNDK DN tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i></p>

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng